TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI CHÂU
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2017/HSST
Ngày: 21/12/2017

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYÊN MAI CHÂU
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Tha Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Bá Khiên; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; nơi cư trú: Xóm Cha, xã Tòng Đậu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.

2. Bà Hà Thị Tám, nghề nghiệp: Phó Hiệu trưởng trường THCS xã Tòng Đậu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Bùi Thị Hảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu tham gia phiên toà: Ông Bùi Văn H - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Mai Châu xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 38/2017/HSST ngày 21/11/2017 đối với các bị cáo:

1. **Lò Tuấn A**, sinh năm 1994 tại huyện Mai Châu, tỉnh Hoà Bình; nơi cư trú: Xóm Vắt, xã Đồng Bảng, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình; dân tộc: Thái; trình độ văn hoá: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lò Văn Kh, sinh năm: 1960 và bà Vũ Thị X, sinh năm 1960; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/9/2017, chuyển tạm giam ngày 12/9/2017. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Lò Tiến D**, sinh năm 1991 tại huyện Mai Châu, tỉnh Hoà Bình; nơi cư trú: Xóm Vắt, xã Đồng Bảng, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình; dân tộc: Thái; trình độ văn hoá: 10/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Lò Văn Kh, sinh năm: 1960 và bà Vũ Thị X, sinh năm 1960; bị cáo chưa có vợ (chưa đăng ký kết hôn), có một con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/9/2017, chuyển tạm giam ngày 12/9/2017. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Chị Đặng Thị H, sinh năm 1967; nơi cư trú: Xóm Vắt, xã Đồng Bảng, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1979; nơi cư trú: Xóm Sạn, xã Phúc Sạn, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- Anh Triệu Xuân H, sinh năm 1971; nơi cư trú: Xóm Sạn, xã Phúc Sạn, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt. (Anh H đã ủy quyền bằng văn bản cho vợ là Nguyễn Thị Ng tham gia tố tụng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ l quan:

- Chị Trịnh Thị L, sinh năm 1966; nơi cư trú: Khu b, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

- Chị Phạm Thúy D, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn C, xã Ng, huyện Ng, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 20 giờ 00 ngày 31/8/2017 Lò Tuấn A một mình điều khiển xe mô tô BKS: 28M1-059.71 từ nhà đến xã Ph, huyện M, tỉnh Hòa Bình chơi, khi đi đến xóm G, xã Ph, huyện M, tỉnh Hòa Bình thì phát hiện xe ô tô của gia đình chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1979, trú tại xóm S, xã Ph, huyện M, tỉnh Hòa Bình đi ngược chiều hướng Ph - Đ. Biết gia đình chị Ng đã đi khỏi nhà nên Lò Tuấn A đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của gia đình chị Ng. Lò Tuấn A điều khiển xe mô tô đi qua nhà chị Ng thì thấy đã kh cửa, quan sát không có người xung qua, Lò Tuấn A dựng xe mô tô ngoài cổng Trường Trung học cơ sở xã Ph rồi trèo lên mái nhà vệ sinh của trường học để trèo sang sân phơi quần áo phía sau nhà chị Ng, sau đó dùng tay bẻ gập rào lưới sắt để đột nhập vào trong. Khi đó, cửa ra vào sau nhà được cài móc sắt bên trong, Lò Tuấn A đã nhặt 01 que kim loại dẻo gần đó có chiều dài 20 cm, đường kính khoảng 0,2 cm luồn qua khe cửa gẩy móc cài bên trong để mở cửa. Sau khi vào trong nhà Tuấn A đi đến gian cơi nới phía trước nhà là nơi có sạp bán đồ tạp hóa của gia đình chị Ng lấy trộm số tiền 170.000 đồng và 40 chiếc thẻ cào nạp tiền mạng Viettel đều là loại 20.000 đồng được đặt trong hòm gỗ không khóa và 02 đôi dép nhựa để trên giá hàng. Tiếp đó, Lò Tuấn A đi vào phòng ngủ mở két sắt vẫn cắm chìa và không kh lấy trộm 02 chiếc nhẫn vàng, 01 dây chuyền vàng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 4 để trên mặt bàn gần cửa ra vào phòng ngủ. Sau khi lấy được số tài sản trên A đi ra ngoài bằng đường cũ. Khi về đến nhà Lò Tuấn A cho Lò Tiến D là anh trai ruột, sinh năm 1991, sống cùng nhà và bạn gái của Lò Tuấn A là Phạm Thúy D, sinh năm 1990, trú tại thôn C, xã Ng, huyện Ng, tỉnh Thanh Hóa đến chơi mỗi người 01 chiếc thẻ cào nạp tiền điện thoại mạng Viettel loại 20.000 đồng. Khi Lò Tuấn A đang tắm ngoài bể nước thì D ra hỏi vay tiền thì Lò Tuấn A trả lời không có tiền, D đứng gần đó, một lúc sau Lò Tuấn A đã giơ cho D xem 01 chiếc nhẫn vàng hai chỉ và nói cho D biết việc trộm được nhẫn vàng và điện thoại IPHONE 4 của gia đình chị Ng và nhờ D đưa đi bán vàng. Cả hai cùng đi xe mô tô BKS: 28M1 - 059.71 xuống Thị trấn Mai Châu để bán nhẫn, đến khoảng 22 giờ thì đến cửa hàng vàng bạc Trương Vĩnh Tr thuộc Tiểu khu c, thị trấn M, huyện

M, tỉnh Hòa Bình, Lò Tuấn A vào cửa hàng bán chiếc nhẫn vàng loại hai chỉ cho bà Chè Sau L, sinh năm 1956, trú tại thị trấn Mai Châu, huyện Mai Châu được số tiền 6.842.000 đồng. Sau đó, cả hai cùng đi xe mô tô để về nhà, trên đường về Lò Tuấn A đã cho Lò Tiến D số tiền 500.000 đồng. Khi về đến nhà Lò Tuấn A cho D chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 4. Đến sáng ngày 01/9/2017 Lò Tuấn A cùng Phạm Thúy D cùng đi Thanh Hóa chơi, đến khoảng 13 giờ sau khi ăn cơm trưa xong D đi mua đồ dùng cá nhân còn Lò Tuấn A một mình đi đến cửa hàng vàng bạc C thuộc Khu b, thị trấn Qu, huyện Qu, tỉnh Thanh Hóa bán chiếc nhẫn vàng loại 03 chỉ cho bà Trịnh Thị L, sinh năm 1966, trú tại Thị trấn Qu, huyện Qu, tỉnh Thanh Hóa được số tiền 9.300.000 đồng. Sau đó Lò Tuấn A cùng D đi chơi tại huyện C, tỉnh Thanh Hóa, đến tối thì về xã Ng, huyện Ng, tỉnh Thanh Hóa để ngủ qua đêm. Đến khoảng 10 giờ ngày 02/9/2017 Lò Tuấn A đã tặng cho D chiếc dây chuyền vàng 02 chỉ đã bị đứt, D có thắc mắc thì Lò Tuấn A nói là mua sau đó để trong túi bị đứt, rồi Lò Tuấn A một mình bắt xe khách về nhà. D đã bán dây chuyền Lò Tuấn A tặng cho một người không biết tên, tuổi, địa chỉ trên đường tại xã Ng, huyện Ng, tỉnh Thanh Hóa được số tiến 810.000 đồng. Ngày 03/9/2017, nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật Lò Tiến D đã đến Cơ quan Công an huyện Mai Châu đầu thú, cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mai Châu đã ra lệnh bắt khẩn cấp số 03 đối với Lò Tuấn A để điều tra. Sau khi bị bị bắt, A đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản, ngoài những tài sản mà Lò Tuấn A đã cho Lò Tiến D và Phạm Thúy D còn lại 38 thẻ nạp tiền mạng Viettel A đã nạp vào trò chơi trên điện thoại, 02 đôi dép Lò Tuấn A đã sử dụng còn để ở nhà, tiền trộm cắp được và có được từ việc bán chiếc nhẫn vàng 02 chỉ Lò Tuấn A đã sử dụng và chi tiêu hết. Số tiền 9.300.000 đồng có được từ việc bán chiếc nhẫn vàng ba chỉ ngày 01/9/2017 Lò Tuấn A đã chi tiêu một phần, còn lại 5.800.000 đồng đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Mở rộng điều tra vụ án xác định Lò Tuấn A còn một mình thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản của gia đình chị Đặng Thị H, sinh năm 1967, trú quán: Xóm V, xã Đ, huyện M, tỉnh Hòa Bình, cùng với phương thức đi bộ từ nhà và lén lút trèo qua tường giữa khu nhà ở và nhà vệ sinh của gia đình chị H để đi vào phòng thờ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau :

Khoảng 19 giờ 30, ngày 06/8/2017 Lò Tuấn A đột nhập vào phòng thờ nhà chị H trộm cắp số tiền 2.300.000 đồng gồm các tờ tiền mệnh giá khác nhau được để ở trên các ban thờ.

Khoảng 13 giờ 00, ngày 20/8/2017 Lò Tuấn A đột nhập vào phòng thờ trộm cắp số tiền 850.000 đồng để trên các đĩa h quả trên bàn thờ và 300.000 đồng để trong hòm khung nhôm trên bàn thờ; 02 lọ nước h nhãn hiệu DOLCE & GABBANA. Toàn bộ số tiền trộm cắp được Lò Tuấn A đã chi tiêu hết vào mục đích cá nhân, 01 lọ nước h nhãn hiệu DOLCE & GABBANA, làm bằng thủy tinh màu trắng Lò Tuấn A vứt trên đường khi đi chơi với bạn gái từ huyện Mai Châu sang tỉnh Thanh Hóa, Lò Tuấn A không nhớ rõ địa điểm; lọ nước hoa nhãn hiệu DOLCE & GABBANA, làm bằng thủy tinh màu đỏ Lò Tuấn A đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 51 ngày 11/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Mai Châu kết luận giá trị tài sản như sau: 01 chiếc nhẫn vàng 24 K, 02 chỉ có giá 7.304.000 đồng; 01 chiếc nhẫn vàng 24 K 03 chỉ có giá 10.956.000 đồng; 01 dây chuyền vàng 10 K loại 02 chỉ, đã bị đứt có giá 3.450.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di dộng nhãn hiệu IPHONE 4 đã qua sử dụng có giá là 850.000 đồng; 01 đôi dép nhựa nhãn hiệu DAITO có giá là 145.000 đồng; 01 đôi dép nhựa nhãn hiệu VERSACE có giá 150.000 đồng; 40 chiếc thẻ cào nạp tiền mạng viễn thông VIETTEL loại 20.000 đồng có giá 758.400 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 50 ngày 11/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Mai Châu kết luận giá trị tài sản như sau: 01 lọ nước hoa nhãn hiệu DOLCE & GABBANA thể tích 100 ml, đã qua sử dụng có trị giá 625.000 đồng; 01 lọ nước hoa nhãn hiệu DOLCE & GABBANA thể tích 50 ml, đã qua sử dụng có trị giá 350.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 39/VKS - HS ngày 20/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu đã truy tố bị cáo Lò Tuấn A về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 và Lò Tiến D về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 và 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Tuấn A từ 24 đến 30 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; Điều 33; điểm g, h, p khoản 1 và 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Tiến D từ 06 đến 09 tháng tù về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Đối với vật chứng là một chiếc nhẫn vàng 24 K, nhãn hiệu Nam Chính, dạng tròn không có mặt, loại 03 chỉ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu APPLE IPHONE 4, màu đen bị nứt vỡ góc trên bên phải màn hình, đã qua sử dụng; 01 chiếc thẻ sim số thuê bao 0969.234.951; 01 đôi dép nhựa nhãn hiệu DAITO, màu đen, dây đeo bằng vải màu đen, không có dây quai hậu; 01 đôi dép nhựa nhãn hiệu VERSACE, màu đen, dây đeo bằng vải màu xám-đen, có dây quai hậu của vợ chồng chị Nguyễn Thị Ng và anh Triệu Xuân H do bị cáo trộm cắp đã thu hồi được và đã trả lại cho người bị hại. Người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì, nên không đề nghị giải quyết.

- Đối với 01 lọ nước hoa nhãn hiệu DOLCE & GABBANA, làm bằng thủy tinh màu đỏ trong suốt, dạng hình hộp chữ nhật, thể tích 100 ml, đã qua sử dụng của chị Đặng Thị H do bị cáo trộm cắp đã thu hồi được và trả lại cho người bị hại. Người bị hại không yêu cầu bị cáo ph bồi thường gì, nên không đề nghị giải quyết.

- Đối với vật chứng là 40 chiếc thẻ cào nạp tiền mạng Viettel loại 20.000 đồng giá trị 758.400 đồng; 170.000 đồng tiền mặt; 01 dây chuyền 10 K, dạng móc xích, loại hai chỉ, đã bị đứt giá trị 3.450.000 đồng; 01 chiếc nhẫn vàng 24 K, nhãn hiệu Nam Chính, dạng tròn, không có mặt, loại hai chỉ giá trị 7.304.000 đồng của vợ chồng chị Nguyễn Thị Ng và a Triệu Xuân H do bị cáo trộm cắp. Tổng giá trị là 11.682.400 đồng. Quá trình điều tra không thu hồi được, người bị hại yêu cầu bồi thường 11.682.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết buộc bị cáo phải bồi thường.

- Đối với vật chứng là 2.300.000 đồng bị cáo Lò Tuấn A trộm cắp ngày 06/8/2017 và số tiền 1.150.000 đồng, 01 lọ nước hoa nhãn hiệu DOLCE & GABBANA, làm bằng thủy tinh màu trắng trong suốt, dạng hình hộp chữ nhật, giá trị 350.000 đồng, đã qua sử dụng bị cáo trộm cắp ngày 20/8/2017, tổng giá trị tài sản hai lần trộm cắp là 3.800.000 đồng đều của chị Đặng Thị H bị cáo đã chi tiêu và sử dụng hết vào mục đích cá nhân, người bị hại yêu cầu bị cáo Lò Tuấn A bồi thường 3.500.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết buộc bị cáo phải bồi thường.

- Đối với số tiền 9.300.000 đồng là số tiền mà Lò Tuấn A bán chiếc nhẫn vàng 03 chỉ cho chị Trịnh Thị L, bị cáo đã chi tiêu hết 3.500.000 đồng, cơ quan Điều tra đã thu hồi được số tiền còn lại là 5.800.000 đồng. Quá trình điều tra chị Trịnh Thị L đã tự nguyện trả lại chiếc nhẫn vàng 03 chỉ để phục vụ cho công tác điều tra. Do đó cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng và trả lại số tiền 5.800.000 đồng còn lại cho chị Trịnh Thị L. Quá trình giải quyết chị L yêu cầu bị cáo Lò Tuấn A bồi thường số tiền là 3.500.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết buộc bị cáo phải bồi thường.

- Đối với chiếc xe mô tô BKS: 28M1 – 05971 thuộc sở hữu hợp pháp của bà Vũ Thị X, sinh năm 1960; trú tại: Xóm Vắt, xã Đồng Bảng, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình, khi cho bị cáo Lò Tuấn A và Lò Tiến D mượn làm phương tiện đi tiêu thụ tài sản trộm cắp được, bà X không biết các bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến.

- Đối với tang vật là một que kim loại dẻo có chiều dài 20 cm, đường kính 0,2 cm Lò Tuấn A khai nhận đã vứt ở khu vực hành lang cơi nới gần cửa ra vào sau nhà chị Nguyễn Thị Ng, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản, không có điều kiện để thi hành, nên không đề nghị xử phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về những vấn đề khác:

- Đối với chị Trịnh Thị L là người mua của Lò Tuấn A chiếc nhẫn vàng 24 K, nhãn hiệu Nam Chính, dạng tròn không có mặt, loại 03 chỉ không biết chiếc nhẫn đó do Lò Tuấn A trộm cắp mà có và không có hứa hẹn gì trước với bị cáo nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Đối với bà Chè Sau L là người mua của Lò Tuấn A và Lò Tiến D chiếc nhẫn vàng 24 K, nhãn hiệu Nam Chính, dạng tròn không có mặt, loại 02 chỉ bà L không

biết chiếc nhẫn đó do Lò Tuấn A trộm cắp mà có và không có hứa hẹn gì trước với bị cáo nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Đối với số tiền 3.800.000 đồng là tổng giá trị tài sản do Lò Tuấn A trộm cắp được của chị Đặng Thị H, quá trình điều tra người bị hại chỉ yêu cầu bồi thường 3.500.000 đồng, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu, buộc bị cáo phải bồi thường 3.500.000 đồng. Số tiền 300.000 đồng chị H không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không cần thiết phải truy thu đối với bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo công tác thi hành án.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tra luận tại phiên toà (Các bị cáo không có ý kiến tra luận gì) trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại cơ quan điều tra và phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi Trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người làm chứng, vật chứng thu được cùng toàn bộ các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử xem xét thẩm tra tại phiên toà.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định:

Vào các ngày 06/8/2017, ngày 20/8/2017 và ngày 31/8/2017 bị cáo Lò Tuấn A có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của chị Đặng Thị H và của gia đình chị Nguyễn Thị Ng như nội dung vụ án nêu trên. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự ở địa phương. Giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp trong vụ án này là 28.038.400 đồng. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ chứng cứ kết luận bị cáo Lò Tuấn A phạm tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Còn đối với Lò Tiến D biết rõ hành vi trộm cắp tài sản ngày 31/8/2017 của Lò Tuấn A, nhưng đã dùng xe mô tô BKS: 28M1 – 059.71 đưa Lò Tuấn A đến thị trấn Mai Châu, huyện Mai Châu để bán 01 chiếc nhẫn trộm cắp được, bị cáo Lò Tuấn A đã cho D số tiền 500.000 đồng và chiếc điện thoại IPHONE 4 trộm cắp được, hành vi của bị cáo đã xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ chứng cứ kết luận bị cáo Lò Tiến D phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu đối với các bị cáo là có căn cứ pháp luật.

Xét tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính tự phát không có sự bàn bạc, câu kết, hứa hẹn với nhau từ trước, các bị cáo là người

có sức khoẻ nhưng lười lao động, thích hưởng thụ nên đã chiếm đoạt tài sản của người khác để phục vụ cho nhu cầu của bản thân nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Trong vụ án này Lò Tuấn A là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong thời gian ngắn bị cáo l tục thực hiện nhiều lần trộm cắp tài sản làm mất an ninh trật tự ở địa phương, gây hng mang đối với người dân. Bị cáo nhận thức rõ trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng khi thấy chủ sở hữu sơ hở trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã lén lút trộm tài sản của người khác nhằm mục đích lấy tài sản sử dụng và bán lấy tiền chi tiêu cho cá nhân. Không chỉ bị cáo phạm tội mà bị cáo còn đưa anh trai là Lò Tiến D trở thành người tiêu thụ một số tài sản do mình phạm tội mà có. Theo tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện bị cáo nghiện chất ma túy. Bị cáo đã không chịu tu trí làm ăn, sống có ích cho gia đình, cho xã hội mà trái lại bị cáo lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để có tiền chi tiêu thoả mãn cho lối sống của bản thân. Do đó, cần ph áp dụng một mức án nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa chung. Song, khi quyết định về hình phạt Hội đồng xét xử cũng đã cân nhắc đến các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Cụ thể: Về nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự. Bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, có tình tiết giảm nhẹ trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà đã thành khẩn khai báo, những người bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Đối với Lò Tiến D là a trai của Lò Tuấn A. Bị cáo biết trộm cắp là vi phạm pháp luật, không khuyên bảo em ra đầu thú, trả lại tài sản cho người bị hại, ngược lại để muốn có tiền tiêu bị cáo đã giúp sức, chở bị cáo Lò Tuấn A cùng đi tiêu thụ tài sản vừa trộm cắp được nhằm được chia tiền, sau đó Lò Tuấn A cho bị cáo D 500.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động. Bị cáo đang làm công nhân cũng có lương hàng tháng, nhưng không tìm cách kiếm tiền thêm một cách chính đáng, khi có cơ hội lại thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do người khác mà có để có tiền chi tiêu. Khi quyết định về hình phạt Hội đồng xét xử cũng đã cân nhắc đến các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Cụ thể: Về nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, tại phiên tòa bị cáo khai có sử dụng chất ma túy. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ phạm tội gây thiệt hại không lớn; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà đã thành khẩn khai báo; bị cáo tự giác ra đầu thú, đó là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại các điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Do vậy xét cần xử phạt tù có thời hạn với mức án phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ của bị cáo nêu trên.

- Đối với số tiền 500.000 đồng và thẻ nạp điện thoại 20.000 đồng Lò Tuấn A cho Lò Văn D, D Biết là tiền và thẻ do Lò Tuấn A bán tài sản do trộm cắp và trộm cắp mà có nên D ph hoàn trả cho người bị hại. Tuy nhiên tại phiên tòa các bên người bị hại chị Nguyễn Thị Ng, bị cáo Lò Tuấn A, Lò Văn D đã thỏa thuận được với nhau về việc bị cáo Lò Tuấn A bồi thường cả số tiền này và để thuận lợi cho việc bồi

thường, đề nghị buộc Lò Tuấn A bồi thường cả số tiền 520.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Ng.

- Đối với chị Phạm Thúy D, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn C, xã Ng, huyện Ng, tỉnh Thanh Hóa được bị cáo Lò Tuấn A cho 01 chiếc thẻ cào nạp tiền mạng Viettel trị giá 20.000 đồng và 01 dây chuyền 10 K, dạng móc xích, loại hai chỉ, đã bị đứt, chị D đã sử dụng thẻ và bán dây chuyền cho một người không biết tên tuổi, địa chỉ được 810.000 đồng. Chị D không biết tài sản này do Lò Tuấn A phạm tội mà có và không có hứa hẹn gì trước với bị cáo Lò Tuấn A nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên những tài sản này là do trộm cắp mà có nên chị D phải bồi hoàn cho người bị hại, nhưng tại phiên tòa người bị hại chị Nguyễn Thị Ng, bị cáo Lò Tuấn A đã thỏa thuận với nhau về việc bị cáo Lò Tuấn A bồi thường cả số tiền này và để thuận lợi cho việc bồi thường, đề nghị công nhận và buộc Lò Tuấn A bồi thường cả số tiền 830.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Ng.

Về tội danh, hình phạt, hình phạt bổ sung, vật chứng, trách nhiệm dân sự và các vấn đề khác mà đại diện Viện kiểm sát có ý kiến và đề nghị Hội đồng giải quyết nêu trên, xét thấy có căn cứ cần xem xét giải quyết theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Về án phí: Các bị cáo ph nộp án phí theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lò Tuấn A phạm tội trộm cắp tài sản, bị cáo Lò Tiến D phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lò Tuấn A 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 03/9/2017.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 250, điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lò Tiến D 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 03/9/2017.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc bị cáo Lò Tuấn A phải bồi thường cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1979, anh Triệu Xuân H, sinh năm 1971; đều có nơi cư trú: Xóm S, xã Ph, huyện M, tỉnh Hòa Bình số tiền 11.682.000 đồng.

- Buộc bị cáo Lò Tuấn A ph bồi thường cho chị Đặng Thị H, sinh năm 1967, nơi cư trú: Xóm V, xã Đ, huyện M, tỉnh Hòa Bình số tiền 3.500.000 đồng.

- Buộc bị cáo Lò Tuấn A phải bồi thường cho chị Trịnh Thị L, sinh năm 1966, nơi cư trú: Khu b, thị trấn Qu, huyện Qu, tỉnh Thanh Hóa 3.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền bồi thường nêu trên, nếu người phải thi hành án chưa thi hành hoặc chậm thi hành, thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án bằng 50 % mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tại thời điểm người có nghĩa vụ thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Bị cáo Lò Tuấn A phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự và 934.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Lò Tiến D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình để xin xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt thời hạn tính kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HB;
- VKSND tỉnh HB;
- STP; Trại tạm giam;
- VKSND; CA huyện MC;
- THA hình sự;
- Chi cục THA dân sự;
- UBND xã Đ;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(đã ký)

Phạm Thanh Tùng